

Name: .....

Vocabulary + Grammar: .....

Class: S3...

Listening: .....

Tel: 034 200 9294

Mini Test: .....

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 6: Dinosaurs - Vocabulary 1 & Flyers Listening

#### A. Vocabulary

##### ★ Describe and compare dinosaurs

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>dinosaur</b> (n)	khủng long	11	<b>nest</b> (n)	tổ
2	<b>fossil</b> (n)	hóa thạch	12	<b>neck</b> (n)	cổ
3	<b>mud</b> (n)	bùn	13	<b>scale</b> (n)	tỷ lệ, thang đo
4	<b>sand</b> (n)	cát	14	<b>feather</b> (n)	lông vũ
5	<b>bone</b> (n)	xương	15	<b>wing</b> (n)	cánh
6	<b>teeth</b> (n)	răng	16	<b>meat-eating</b> (adj)	ăn thịt
7	<b>footprint</b> (n)	dấu chân	17	<b>plant-eating</b> (adj)	ăn cỏ
8	<b>track</b> (n)	dấu vết	18	<b>grab</b> (v)	túm, vồ lấy
9	<b>tail</b> (n)	đuôi	19	<b>meal</b> (n)	bữa ăn
10	<b>balance</b> (n)	sự cân bằng			

##### ★ Jobs

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>biologist</b> (n)	nhà sinh vật học	2	<b>researcher</b> (n)	nhà nghiên cứu

##### ★ Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>claw</b> (n)	móng vuốt	4	<b>fascinating</b> (adj)	hấp dẫn, lôi cuốn
2	<b>evidence</b> (n)	bằng chứng	5	<b>take something off</b> (phr)	tháo thứ gì ra
3	<b>diet</b> (n)	chế độ ăn	6	<b>pocket</b> (n)	túi (áo, quần)
4	<b>dominate</b> (v)	thống trị			





\* **Note:** n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm từ.

\* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

#### B. Homework

##### I. Complete the given words to match the given pictures

(Hoàn thành các từ vựng cho sẵn tương ứng với tranh)

  	0. <u>b o n e</u>
  	1. t ____ i ____ 2. ____ e ____ t 3. m ____ a ____ 4. b ____ o l ____ g i ____ t 5. ____ e a ____ h ____ r

## II. Choose the correct words to complete the following sentences

(Chọn từ vựng để hoàn thành các câu phù hợp)

0. A giraffe is a **meat-eating** / **plant-eating** / **meal** animal.

1. Scientists found some **fossils** / **necks** / **mud** of dinosaurs yesterday.
2. A dinosaur's long tail could help it keep **feather** / **sand** / **balance**.
3. The dinosaur wanted to **grab** / **nest** / **wing** the small animal.
4. Penguins use their **tails** / **feathers** / **wings** to swim.
5. Pigs like bathing in **mud** / **fossil** / **balance**.

## III. Read the passage (Đọc đoạn văn)

A. Fill in the blanks with the suitable words (Điền vào chỗ trống với từ vựng phù hợp)

footprints	A lot of	Some	<del>fossils</del>	dinosaurs	Because
------------	----------	------	--------------------	-----------	---------

Dinosaurs lived millions of years ago, leaving behind (0) fossils like bones, teeth, and (1) \_\_\_\_\_ in mud and sand. (2) \_\_\_\_\_ dinosaurs were plant-eating with long necks to reach tall trees, while many others were meat-eating predators using claws to grab small animals. They built nests for laying eggs and used their tails for balance. (3) \_\_\_\_\_ of their size and features, such as scales, feathers, or even wings, they dominated their environment. (4) \_\_\_\_\_ evidence, including tracks and meal stays, helps scientists understand their lives and diets, making (5) \_\_\_\_\_ one of history's most fascinating creatures.

## B. Read and choose between True or False (Đọc và chọn đúng hoặc sai)

- |  |             |       |
|--|-------------|-------|
| 0. Dinosaurs lived millions of years ago.                  | <b>True</b> | False |
| 1. Dinosaurs don't eat plants.                             | True        | False |
| 2. Dinosaurs built nests for cleaning.                     | True        | False |
| 3. Dinosaurs dominated their environment.                  | True        | False |
| 4. Scientists don't understand dinosaurs' lives and diets. | True        | False |
| 5. Dinosaurs were fascinating creatures.                   | True        | False |

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE  
PART 3



Các con nghe bài ở link này:

<https://on.soundcloud.com/r2F XuHuV3J5JBe9R9>

I. CLASSWORK

Harry is very good at finding things for other people. Where did he find each thing?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



keys



glue

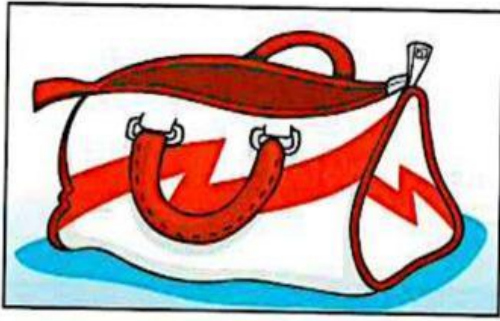


ring

General questions:

1. What does Harry like to do?
  - A. Cook food.
  - B. Find lost things.
  - C. Watch TV.
  - D. Play games.
2. Who did Harry help in the story?
  - A. A teacher.
  - B. His mother.
  - C. His friend.
  - D. A woman and her family.
3. Where did Harry find the ring?
  - A. In the garden.
  - B. In the kitchen.
  - C. In the car.
  - D. On the sofa.

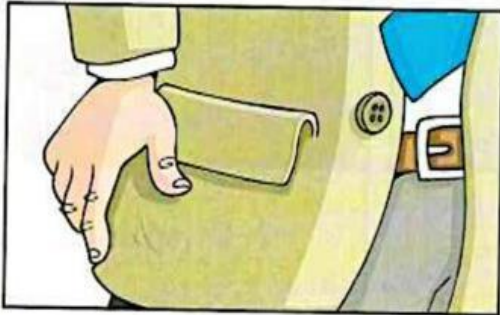




A



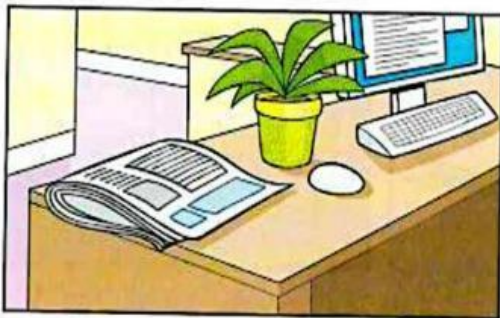
B



C



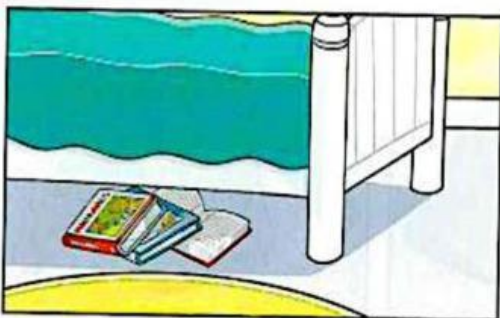
D



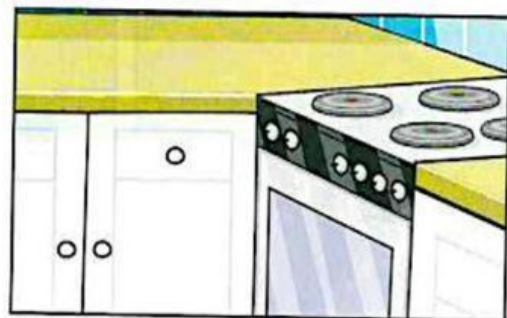
E



F



G



H

## II. HOMEWORK

Exercise I. Listen and choose True or False.

1. The keys were on the sofa.	True	False
2. The glue was on the newspaper.	True	False
3. The ring was in the oven.	True	False

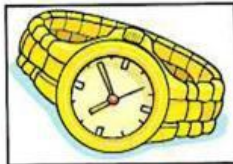
Exercise II.

Harry is very good at finding things for other people. Where did he find each thing?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



diary

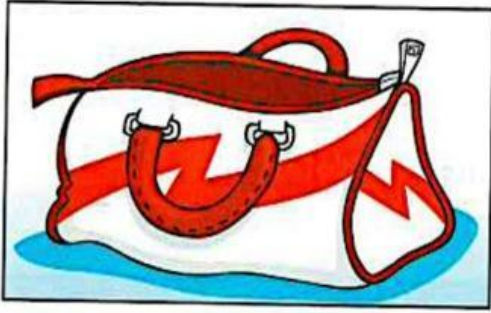


watch



phone

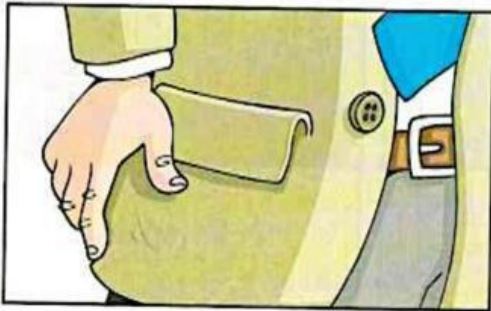
No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1			4		
2			5		
3			6		



A



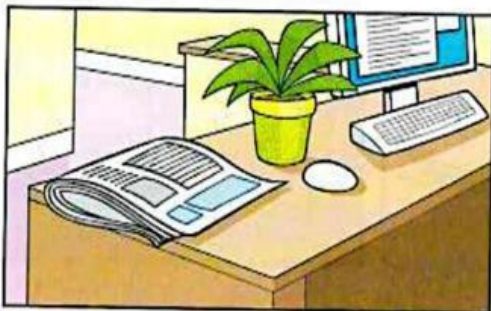
B



C



D



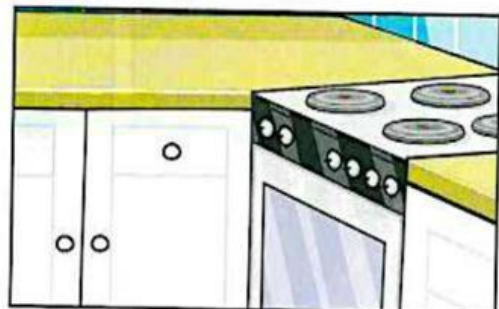
E



F



G



H